

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HSST
Ngày 11/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Hiến;
- Ông Nguyễn Thoại;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Diện, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lâm Hương - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2023/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 16/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HS ngày 30/8/2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân V; sinh ngày 20/5/1992, tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1965 và con bà Ngô Thị A, sinh năm 1966, Cả hai đều làm ruộng và hiện trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Trọng N; sinh ngày 28/12/1981, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1952 và con bà Dương Thị L1, sinh năm 1952, đều làm nông và hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 06 chị, em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con (chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị L2, là bị hại trong vụ án); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị L2:

- Bà Võ Thị B, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị (*mẹ bị hại*), vắng mặt;

- Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 2004 (*con bị hại*), có mặt;

- Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/01/2010 (*con bị hại*), vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số nhà 234 đường Q, Khu phố x, Phường y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (là con của bị hại).

* Người đại diện hợp pháp của cháu T: Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 234 đường Q, Khu phố x, Phường y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*là cha của cháu T*), có mặt.

* Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị B: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 2004; địa chỉ: Số nhà 234 đường Q, Khu phố x, Phường y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền lập ngày 14/7/2023*), có mặt.

Bị đơn dân sự: Ông Đặng Văn C; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 12/01/2023, Nguyễn Trọng N (có giấy phép lái xe theo quy định, nồng độ cồn 0.446mg/L khí thở) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74D1-330.16 chở chị Nguyễn Thị L1, trú tại xã T, huyện T (là người chung sống như vợ chồng với bị cáo N, không đăng ký kết hôn) lưu thông trên Quốc lộ 1A thuộc làn đường dành cho xe thô sơ theo hướng Bắc-Nam, cách lề đường bên phải cùng chiều khoảng 2-3m, với tốc độ khoảng 20-30km/h.

Nguyễn Trọng N có ý định chuyển hướng sang trái đi vào đường Thuận Châu nên khi đến gần vị trí vạch dừng đèn tín hiệu giao thông, N giảm tốc độ xuống còn 15-20km/h, bật tín hiệu đèn xi nhan bên trái và chuyển hướng sang làn đường dành cho xe cơ giới thứ 2 (tiếp giáp với làn đường dành cho xe thô sơ). Quá trình chuyển hướng N không quan sát phía sau vì chủ quan cho rằng các phương tiện phía sau đã nhìn thấy tín hiệu xin chuyển hướng của xe mình thì sẽ nhường đường.

Cùng lúc này, Nguyễn Xuân V điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 (thuộc sở hữu của ông Đặng Văn C, trú tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận) kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 lưu thông trên Quốc lộ 1A thuộc làn đường dành cho xe cơ giới thứ nhất (làn đường tiếp giáp với dải phân cách) theo hướng Bắc-Nam với vận tốc khoảng 44km/h. Khi xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 đến gần ngã tư Quốc lộ 1A - Điện Biên Phủ - Thuận Châu, V quan sát thấy đèn tín hiệu giao thông đang là đèn đỏ nên đã giảm tốc độ xuống 39km/h để chờ đèn tín hiệu giao thông chuyển sang màu xanh thì điều khiển xe vào khu

vực ngã tư. Khi xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 đến gần vạch dừng đèn tín hiệu giao thông thì đèn tín hiệu giao thông chuyển sang đèn xanh, lúc này V phát hiện xe mô tô do N điều khiển chở chị L1 đang chuyển hướng sang trái, cách phía trước bên phải xe ô tô khoảng 15-20m. V bấm còi báo hiệu và chủ quan cho rằng N đã nghe tín hiệu còi thì sẽ nhường đường nên V vẫn giữ nguyên tốc độ và lái xe vào khu vực ngã tư. Khi xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 đến vị trí cách xe mô tô biển kiểm soát 74D1-330.16 khoảng 5m, V phát hiện xe mô tô vẫn đang chuyển hướng vào khu vực ngã tư nhưng vì khoảng cách quá gần không xử lý kịp nên V đã để xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 74D1-330.16 dẫn đến tai nạn giao thông.

Hậu quả: Chị Nguyễn Thị L1 tử vong do đa chấn thương; xe mô tô biển kiểm soát 74D1-330.16 bị hư hỏng.

Vật chứng, tài sản tạm giữ gồm:

- 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, màu sơn xám, số máy: 2901S0038811, số khung LDR4BSAR4400, biển kiểm soát: 86H-002.32; 01 sơ mi rơ moóc tải nhãn hiệu FUSHI, số khung: LEB39VRTXM0001727, số loại: LFS9405TJZ, biển kiểm soát: 86R-010.72; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 86H-002.32 số 032376 mang tên Đặng Văn C do công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/12/2020 có giá trị đến ngày 31/12/2035; 01 giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 000062 mang tên Phan Thị Ngọc Liên do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 01/6/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sơ mi rơ moóc tải biển kiểm soát: 86R-010.72 số 4947835 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 5013D cấp ngày 02/6/2021 có hạn đến hết ngày 01/6/2023; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 86H-002.32 số 1360077 do Công ty cổ phần đăng kiểm Hà Tĩnh cấp ngày 08/11/2022 có hạn đến hết ngày 07/5/2023; 01 giấy phép lái xe hạng FC số 790155113710 mang tên Nguyễn Xuân V do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Yên cấp ngày 24/12/2022 có hạn đến ngày 24/12/2027; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, số máy B32VE204553, số khung: 3740LY059295, biển kiểm soát: 74D1-330.16, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 027246, biển kiểm soát: 74D1-330.16, mang tên Nguyễn Trọng N do Công an huyện Triệu Phong cấp ngày 07/10/2020; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 450138005893 mang tên Nguyễn Trọng N do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/11/2020; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu VIETMAP, màu đen, dung lượng 128GB bên trong chứa dữ liệu hình ảnh video camera hành trình của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 liên quan đến vụ tai

nạn giao thông xảy ra tại ngã tư Quốc lộ 1A - Điện Biên Phủ - Thuận Châu thuộc phường Đông Lương, thành phố Đông Hà vào ngày 12/01/2023; 01 đĩa DVD-R KACHI, màu trắng, dung lượng 4,7GB DATA chứa đoạn video có ghi dữ liệu hình ảnh camera có thời gian 09 phút 59 giây từ góc quay camera ký hiệu QL1A-9D-C1 của Trung tâm giám sát camera an ninh thành phố Đông Hà.

Tại bản kết luận giám định số 226/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị xác định:

1.Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô đầu kéo BKS 86H-002.32 kéo theo somi rơ mooc BKS 86R-010.72 với xe mô tô BKS 74D1-330.16 trong vụ tai nạn giao thông trên là: Góc trước bên phải đầu xe ô tô đầu kéo BKS 86H-002.32 kéo theo somi rơ mooc BKS 86R-010.72 gồm các bộ phận: ốp nhựa bảo vệ cụm đèn chiếu sáng, tín hiệu; ốp nhựa đầu xe va chạm với đầu mút tay cầm lái, gương chiếu hậu bên trái xe mô tô BKS 74D1-330.16.

Xe ô tô đầu kéo BKS 86H-002.32 kéo theo somi rơ mooc BKS 86R-010.72 tác động so với xe mô tô BKS 74D1-330.16 theo chiều hướng từ sau tới trước, trong trạng thái hai phương tiện chuyển động cùng chiều, xe mô tô BKS 74D1-330.16 có chiều hướng chuyển động sang trái.

2.Vị trí va chạm đầu tiên trên hiện trường giữa xe ô tô đầu kéo BKS 86H-002.32 kéo theo somi rơ mooc BKS 86R-010.72 với xe mô tô BKS 74D1-330.16 là khu vực trước điểm đầu dấu vết đánh số (4) (được mô tả trong hồ sơ khám nghiệm), thuộc khu vực giao nhau giữa Quốc lộ 1A - Điện Biên Phủ - Thuận Châu.

3.Không đủ cơ sở để kết luận tốc độ của xe mô tô BKS 74D1-330.16 và xe ô tô đầu kéo BKS 86H-002.32 kéo theo somi rơ mooc BKS 86R-010.72 tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 154/KL-KTHS ngày 06/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị xác định: Nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị L1: Đa chấn thương.

Tại bản kết luận giám định số 141/KL-KTHS ngày 27/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị xác định: Không tìm thấy cồn (Ethanol) trong mẫu máu của chị Nguyễn Thị L1 gửi đến giám định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định:

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ đen, số máy: B32VE204553, số khung: 3740LY059295, biển kiểm soát: 74D1-33016, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2020, bị hư hỏng, thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông. Trị giá tài sản bị thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 12/01/2023 là (630.000 đồng x 78%) + 100.000 đồng = 591.400 đồng (Năm trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSĐH ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Viện

Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Xuân V về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Trọng N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b Khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự với tình tiết “*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định....*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân V; Nguyễn Trọng N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V từ 13 đến 15 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này, phần lỗi của bị cáo Nguyễn Trọng N cao hơn lỗi của bị cáo Nguyễn Xuân V nên cần chia mức trách nhiệm dân sự theo tỷ lệ Nguyễn Xuân V phải chịu 40%; Nguyễn Trọng N phải chịu 60%.

* Chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền mai táng phí của Nguyễn Trọng N : 22.730.000 đồng (gồm: Tiền mua quan tài, các vật dụng cho việc khâm liệm, khăn tang, áo tang: 14.330.000 đ; tiền bồi dưỡng âm công: 3.000.000 đ; tiền thuê rạp, bàn ghế, ly cốc, chén đĩa: 4.200.000đ và tiền thuê xe cấp cấp cứu: 1.200.000đ) và bồi thường do chiếc xe mô tô bị hư hỏng: 591.400 đồng. Trong đó: Phần trách nhiệm của bị cáo N là: 13.992.500 đồng; Phần trách nhiệm của bị cáo V là: 9.328.500 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại: Buộc các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bà Võ Thị B, anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức T với số tiền 60 lần tháng lương tối thiểu là: 1.800.000 đ x 60 = 108.000.000 đồng. Trong đó, phần trách nhiệm của bị cáo V là: 43.200.000 đồng; phần trách nhiệm của bị cáo N là: 64.800.000 đồng; Ông Nguyễn Đức G là người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Đức T được nhận phần của anh T: 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường mai táng phí và tổn thất tinh thần bị cáo V có trách nhiệm bồi thường là: 52.528.500 đồng; bị cáo N có trách nhiệm bồi thường là: 78.792.900 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với khoản cấp dưỡng cho bà Võ Thị B, với mức 1.800.000 đồng/tháng; mỗi bị cáo chịu 900.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2023 đến khi bà B chết.

Không chấp nhận yêu cầu của bị cáo N đối với khoản tiền thuê trống kèn: 2.600.000 đồng;

Căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 21/5/2018, không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức G về khoản yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đức T.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra các quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản tạm giữ cho các chủ sở hữu, không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân V Giấy phép lái xe hạng FC số 790155113710 mang tên Nguyễn Xuân V; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N Giấy phép lái xe hạng A1 số 450138005893 mang tên Nguyễn Trọng N.

Trả lại cho bị cáo N 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 027246, biển kiểm soát: 74D1-330.16, mang tên Nguyễn Trọng N do Công an huyện Triệu Phong cấp ngày 07/10/2020 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, số máy B32VE204553, số khung: 3740LY059295, biển kiểm soát: 74D1-330.16, đã qua sử dụng.

Các vật chứng sau: 01 thẻ nhớ nhãn hiệu VIETMAP, màu đen, 128GB bên trong chứa dữ liệu hình ảnh video camera hành trình của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 liên quan đến vụ tai nạn giao thông xảy ra vào ngày 12/01/2023; 01 đĩa DVD-R KACHI, màu trắng, dung lượng 4,7GB DATA chứa đoạn video có ghi dữ liệu hình ảnh camera có thời gian 09 phút 59 giây từ góc quay camera ký hiệu QL1A-9D-C1 của Trung tâm giám sát camera an ninh thành phố Đông Hà Lưu tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đông Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi, phù hợp với kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Vào 20 giờ 50 phút ngày 12/01/2023, Nguyễn Trọng N có nồng độ cồn 0.446mg/L khí thở đã tham gia giao thông, chuyển hướng nhưng không quan sát phía sau, gây nguy hiểm cho người và phương tiện khác. Hành vi của Nguyễn Trọng N đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019 sửa đổi, bổ sung khoản 8, Điều 8 của Luật giao thông đường bộ *“Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”*; vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ *“Trong khi chuyển hướng, người lái xe chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác”*. Đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định khung hình phạt: *Phạt tù từ 03 năm đến 10 năm*.

Cùng thời điểm, Nguyễn Xuân V điều khiển ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sômi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 tham gia giao thông qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức, nơi có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm (W224), qua khu vực đông dân cư nhưng không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn. Hành vi của Nguyễn Xuân V đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ *“Người lái xe, người điều khiển xe...phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường”*, được hướng dẫn tại khoản 1, 3 và khoản 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới...tham gia giao thông đường bộ *“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: 1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm...2. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức...5. Qua khu vực đông dân cư...”*. Đã phạm vào tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định khung hình phạt: *phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây thiệt hại về tính mạng của người khác, làm cho những người khi tham gia giao thông hoang mang lo lắng nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Trọng N tham gia giao thông có nồng độ cồn vượt quá mức quy định; chuyển hướng nhưng không quan sát, gây nguy

hiểm cho người và phương tiện khác tham gia giao thông. Nguyễn Xuân V do chủ quan vì nghĩ rằng Nguyễn Trọng N sẽ nhường đường khi chuyển hướng nên giảm tốc độ nhưng chưa đảm bảo để có thể dừng lại một cách an toàn. Hậu quả làm chết một người. Lỗi hoàn toàn thuộc về các bị cáo. Trong đó, bị cáo Nguyễn Trọng N chuyển hướng di chuyển từ làn thứ ba (làn của xe thô sơ), với cung đường dài, không quan sát là nguyên nhân dẫn đến va chạm, có phần lỗi đáng kể so với lỗi của Nguyễn Xuân V.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo V đã tác động với chủ xe bồi thường số tiền 20.000.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Bị cáo N chung sống như vợ chồng với bị hại nhưng chưa đăng ký kết hôn, sau khi tai nạn xảy ra đã đưa bị hại về tổ chức tang lễ, mai táng, thờ cúng thể hiện sự khắc phục bù đắp cho bị hại; cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất có thể và xin cho các bị cáo được hưởng án treo nên cần xem xét cho cả 2 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định, nên cần xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đối với bị cáo N, tai nạn dẫn đến chị L1 tử vong cũng là một phần tổn thất cho bị cáo nên cần xem xét áp dụng thêm Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

* Nguyễn Trọng N yêu cầu bồi thường tiền mai táng phí: 25.330.000 đồng (gồm: Tiền mua quan tài, các vật dụng cho việc khâm liệm, khăn tang, áo tang: 14.330.000 đ; Tiền thuê trống kèn 3 ngày 2 đêm: 2.600.000 đ; tiền bồi dưỡng âm công: 3.000.000 đ; tiền thuê rạp, bàn ghế, ly cốc, chén đĩa: 4.200.000đ và tiền thuê xe cấp cấp cứu: 1.200.000đ). Hội đồng xét xử thấy rằng: cần chấp nhận cho bị cáo các khoản: Tiền mua quan tài, các vật dụng cho việc khâm liệm, khăn tang, áo tang, tiền bồi dưỡng âm công, tiền thuê rạp, bàn ghế, ly cốc, chén đĩa và tiền thuê xe cấp cấp cứu là 22.730.000 đồng và 591.400 đồng tiền thiệt hại chiếc xe mô tô.

Không có căn cứ chấp nhận khoản tiền thuê trống kèn: 2.600.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại: Buộc các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bà Võ Thị B, anh Nguyễn Đức D và anh Nguyễn Đức T với số tiền 60 lần tháng lương tối thiểu là: 1.800.000 đ x 60 lần = 108.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Đức D và bà Võ Thị B được: 72.000.000 đồng; ông Nguyễn Đức G là người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Đức T được nhận phần của anh T: 36.000.000 đồng.

Xem xét về mức độ lỗi thấy rằng, cần xác định tỷ lệ bồi thường theo đề nghị của Viện Kiểm sát, Bị cáo V bồi thường 40%, bị cáo N bồi thường 60% là hợp lý.

Như vậy, phần trách nhiệm của bị cáo N: **78.792.900** đồng (tiền mai táng phí: 13.992.500 đồng, tổn thất tinh thần: 64.800.000 đồng); Phần trách nhiệm của bị cáo V là: 52.528.500 đồng (tiền mai táng phí: 9.328.500 đồng, tổn thất tinh thần: 43.200.000 đồng).

Ông Đặng Văn C (chủ xe) đã bồi thường phần trách nhiệm của bị cáo V số tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo N. Bị cáo V đã giao nộp tại cơ quan thi hành án dân sự: 20.000.000 đồng theo biên lai số BB/2021/0000231 ngày 03/7/2023. Bị cáo V còn phải bồi thường 12.528.500 đồng.

Bị cáo N có nghĩa vụ giao lại cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 20.000.000 đồng – 9.328.500 đồng (bị cáo được bồi thường) = 10.671.500 đồng.

Bà Võ Thị B là mẹ của bị hại, khi còn sống bị hại có nghĩa vụ cấp dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với khoản cấp dưỡng cho bà B, với mức 1.800.000 đồng/tháng; mỗi bị cáo chịu 900.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2023 đến khi bà B chết.

Ông Nguyễn Đức G yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 21/5/2018, ông G và bà L1 thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 17/02/2004; ông Nguyễn Đức G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/01/2010. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Quyết định có hiệu lực thi hành. Do khi còn sống bà L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh T nên không có căn cứ để chấp nhận.

[7] *Về xử lý vật chứng vụ án và giấy tờ tạm giữ*: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại các vật chứng và tài sản tạm giữ cho các chủ sở hữu hợp pháp, không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với Giấy phép lái xe hạng FC số 790155113710 mang tên Nguyễn Xuân V; Giấy phép lái xe hạng A1 số 450138005893 mang tên Nguyễn Trọng N, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên trả lại giấy phép lái xe nêu trên cho các bị cáo.

Trả lại cho bị cáo N 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 027246, biển kiểm soát: 74D1-330.16, mang tên Nguyễn Trọng N do Công an huyện Triệu Phong cấp ngày 07/10/2020 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, số máy B32VE204553, số khung: 3740LY059295, biển kiểm soát: 74D1-330.16, đã qua sử dụng.

Các vật chứng sau: 01 thẻ nhớ nhãn hiệu VIETMAP, màu đen, 128GB bên trong chứa dữ liệu hình ảnh video camera hành trình của xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 86H-002.32 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-010.72 liên quan đến vụ tai nạn giao thông xảy ra vào ngày 12/01/2023; 01 đĩa DVD-R KACHI, màu trắng, dung lượng 4,7GB DATA chứa đoạn video có ghi dữ liệu hình ảnh camera có thời gian 09 phút 59 giây từ góc quay camera ký hiệu QL1A-9D-C1 của Trung tâm giám sát camera an ninh thành phố Đông Hà Lưu tại hồ sơ vụ án

Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự;

Bị cáo V phải chịu dân sự sơ thẩm đối với số tiền 12.528.500đ x5% + 300.000 đồng án phí cấp dưỡng hàng tháng.

Bị cáo N phải chịu dân sự sơ thẩm đối với số tiền 64.800.000đ x5% + 300.000 đồng án phí cấp dưỡng hàng tháng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Xuân V** và **Nguyễn Trọng N** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Trọng N: 24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách **48 (Bốn mươi tám)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/9/2023).

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Xuân V : 13 (Mười ba)** tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách **26 (Hai mươi sáu)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/9/2023).

Giao bị cáo **Nguyễn Xuân V** cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Trọng N** cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu

Đại, huyện Triệu Phong trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 13; Điều 591 và Điều 601 Bộ luật dân sự, xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân V phải bồi thường cho bị cáo: Nguyễn Trọng N số tiền: 9.328.500 đồng; Bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại khoản tiền tổn thất tinh thần: 43.200.000 đồng. Đã bồi thường 40.000.000 đồng (trong đó có khoản: 20.000.000 đồng đã giao nộp tại cơ quan thi hành án dân sự theo biên lai số BB/2021/0000231 ngày 03/7/2023). Bị cáo V còn phải bồi thường số tiền: **12.528.500** đồng (*Mười hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại khoản tiền tổn thất tinh thần: **64.800.000** đồng (*Sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) và hoàn trả cho người đại diện hợp pháp của bị hại khoản tiền bị cáo V đã bồi thường **10.671.500** đồng (*Mười triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng N và Nguyễn Xuân V hàng tháng phải cấp dưỡng cho bà Võ Thị B mỗi bị cáo 900.000đồng/tháng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi bà B chết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân V Giấy phép lái xe hạng FC số 790155113710 mang tên Nguyễn Xuân V; trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N: Giấy phép lái xe hạng A1 số 450138005893 mang

tên Nguyễn Trọng N; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 027246, biển kiểm soát: 74D1-330.16, mang tên Nguyễn Trọng N do Công an huyện Triệu Phong cấp ngày 07/10/2020 (*các giấy tờ trên có tại hồ sơ vụ án*)

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, số máy B32VE204553, số khung: 3740LY059295, biển kiểm soát: 74D1-330.16, đã qua sử dụng. (*Xe mô tô hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an thành phố Đông Hà với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà lập ngày 30/6/2023*).

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 926.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.540.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

- Bị đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- UBND phường Hòa Xuân Tây;
- UBND xã Triệu Đại;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- ĐDHP của bị hại; Bị đơn dân sự;
- Lưu: HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương